

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã hóa mẫu: KT2026.05/1105

Khách hàng : CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Ký hiệu mẫu : KT01
Vị trí quan trắc : Tại ống khói lò sấy Vonfram;
Tọa độ X=2394795, Y=414723;
Thời gian lấy mẫu : 13/05/2026
Thời gian phân tích : 13/05/2026 đến 01/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT		Phương pháp
			KT01	C (Cột B)	C _{max}	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	50	-	-	IESH/SOP/KT/ĐN .06
2	Lưu lượng ^(b)	m ³ /giờ	1.990,8	-	3.000	US EPA 02
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	24,3	200	280	US EPA 05
4	NO _x (Tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	13,05	850	1.190	IESH/SOP/ QTHT-KT.01
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	100,47	1000	1.400	
6	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	0	500	700	
7	Cd (Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi) (*)	mg/Nm ³	<0,01	5	7	US EPA 29 US EPA 200.7
8	Pb (Chì và hợp chất tính theo chì) (*)	mg/Nm ³	<0,01	5	7	US EPA 29 US EPA 200.7
9	Đồng (Đồng và hợp chất tính theo đồng) (*)	mg/Nm ³	<0,16	10	14	US EPA 29 US EPA 200.7
10	Kẽm (kẽm và hợp chất tính theo kẽm) (*)	mg/Nm ³	<0,17	30	42	US EPA 29 US EPA 200.7
11	Hydro sunphua, H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	<2 (LOD=0,7)	7,5	10,5	JIS K 0108:2010

Ghi chú: Tên mẫu, loại mẫu được mã hóa bởi người lấy mẫu và có sự giám sát của khách hàng;

- Dấu (-): không quy định;

- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo **Vimcerts 099**;

- (*) : Chỉ tiêu được phân tích bởi Công ty Cổ phần Đào tạo và Tư vấn Môi trường HTC **Vimcerts 343**;

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	Mã hóa phiếu
	IESH..2026.06.01/521

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

- **Quy chuẩn áp dụng:** QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép (C_{max}) trong khí thải công nghiệp đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ

K_p (hệ số lưu lượng nguồn thải) = 1,0 (Lưu lượng nguồn thải <20.000 m³/h)

K_v (hệ số vùng theo quy định) = 1,4 (Nông thôn miền núi)

- Số phiếu phát hành : Ba bản (03).

- Phụ lục kết quả đo nhanh các thông số: CO, NO_x, SO₂

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			
			KT01.1	KT01.2	KT01.3	Trung bình
1	NO _x (Tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	13,91	12,71	12,52	13,05
2	CO ^(b)	mg/Nm ³	93,71	102,6	105,11	100,47
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	0	0	0	0

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026

**ĐẠI DIỆN PHÒNG QT&PT
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

QA/QC

VIỆN TRƯỞNG



Th.S Nguyễn Minh Hiếu

CN. Hoàng Thị Lưu Ly

PGS.TS Nguyễn Thị Phương Thảo

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu

IESH..2026.06.01/521

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã hóa mẫu: KT2026.05/1106

Khách hàng : CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Ký hiệu mẫu : KT02
Vị trí quan trắc : Dòng khí thải số 2 tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải H₂S công đoạn tuyển Bismuth.;
Tọa độ X=2394679, Y=414655;
Thời gian lấy mẫu : 13/05/2026
Thời gian phân tích : 13/05/2026 đến 01/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT		Phương pháp
			KT02	C (Cột B)	Cmax	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	45	-	-	IESH/SOP/KT/ĐN.06
2	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	4.536	-	7.825	US EPA 02
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	5,6	200	280	US EPA 05
4	NO _x (Tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	0	850	1.190	IESH/SOP/ QTHT-KT.01
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	0,99	1000	1.400	
6	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	0	500	700	
7	Hydro sunphua, H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	<2 (LOD=0,7)	7,5	10,5	JIS K 0108:2010
8	H ₂ SO ₄ (tính theo SO ₃) ^(b)	mg/Nm ³	<0,15	50	70	US EPA 08

Ghi chú: Tên mẫu, loại mẫu được mã hóa bởi người lấy mẫu và có sự giám sát của khách hàng;

- Dấu (-): không quy định;

- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 099;

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

- **Quy chuẩn áp dụng:** QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép (Cmax) trong khí thải công nghiệp đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.	Mã hóa phiếu IESH..2026.06.01/522
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	

C_{max} = C x K_p x K_v

Trong đó:

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ

K_p (hệ số lưu lượng nguồn thải) = 1,0 (Lưu lượng nguồn thải <20.000 m³/h)

K_v (hệ số vùng theo quy định) = 1,4 (Nông thôn miền núi)

- Số phiếu phát hành : Ba bản (03).

- Phụ lục kết quả đo nhanh:

TT	Thông số	Đơn vị	KT02			
			KT02.1	KT02.2	KT02.3	Trung bình
1	NO _x (Tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	0	0	0	0
2	CO ^(b)	mg/Nm ³	0,68	1,60	0,68	0,99
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	0	0	0	0

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN PHÒNG QT&PT
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

VIỆN TRƯỞNG

Th.S Nguyễn Minh Hiếu

CN. Hoàng Thị Lưu Ly

PGS.TS Nguyễn Thị Phương Thảo

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu

IESH..2026.06.01/522